

Số: 154/2025/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu G, xã S, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C: Bà Đỗ Hồng N – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu G, xã S, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Bà Nguyễn Thị S – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14; Khoản 5 Điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị C và anh Phạm Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Hai bên trình bày trình bày vợ chồng có 02 con chung là Phạm Bảo T1, sinh ngày 06/01/2017 và Phạm Anh T2, sinh ngày 09/01/2020. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng chị C.

Ly hôn chị C và anh T thỏa thuận: Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Bảo T1 và Phạm Anh T2; kể từ khi ly hôn đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ chung và công sức*: Chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị C và anh Phạm Ngọc T đều là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Tiến Nghị